

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53 /2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển
Khu kinh tế Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên, với những nội dung chủ yếu sau:

I. CHỨC NĂNG CỦA KHU KINH TẾ NAM PHÚ YÊN

- Là một trong các trung tâm giao thương quốc tế, trung tâm công nghiệp, cảng biển, dịch vụ, đô thị lớn của khu vực; cửa ngõ quan trọng của Nam Trung Bộ, Tây Nguyên;
- Trung tâm kinh tế lớn, mang tính đột phá để phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Phú Yên;
- Trung tâm thu hút đầu tư và hội nhập quốc tế quan trọng của tỉnh Phú Yên và vùng Nam Trung Bộ.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ NAM PHÚ YÊN

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển các ngành, lĩnh vực trong Khu kinh tế Nam Phú Yên phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế; phù hợp và gắn bó chặt chẽ với sự phát triển kinh tế - xã hội vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước;
- Phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên trở thành địa bàn đột phá toàn diện của tỉnh Phú Yên; một cực phát triển quan trọng của vùng Nam Trung Bộ; một trung tâm giao thương quốc tế, trung tâm công nghiệp, thương mại, cảng biển lớn của vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên;

- Phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên thành trung tâm kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa chức năng, gồm: khu phi thuế quan; các khu công nghiệp tập trung; khu cảng Vũng Rô, Bãi Gốc và dịch vụ cảng; khu đô thị tập trung có kiến trúc hiện đại; khu du lịch biển;

- Khu kinh tế Nam Phú Yên áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích, ổn định lâu dài nhằm tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đảm bảo thủ tục hành chính thuận lợi, nhanh, một đầu mối nhằm tạo môi trường thông thoáng nhất cho các hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên đảm bảo mang lại hiệu quả tổng hợp và bền vững, cả về kinh tế, xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng, môi trường và quan hệ đối ngoại.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa chức năng với trọng tâm là ngành công nghiệp lọc, hóa dầu và các ngành công nghiệp sau dầu; các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến và xuất khẩu; gắn với việc phát triển và khai thác có hiệu quả cảng Vũng Rô, Bãi Gốc, sân bay Tuy Hòa. Xây dựng Khu kinh tế thành một trung tâm công nghiệp và dịch vụ, mang tính đột phá phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Phú Yên; cực phát triển quan trọng, trung tâm giao thương quốc tế của vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; đô thị văn minh, hiện đại. Tạo điều kiện tiên đề để phát triển kinh tế xã hội cho Tỉnh và các vùng lân cận.

b) Mục tiêu cụ thể

- Khai thác có hiệu quả các lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước để thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực; tạo ra sự lan tỏa ra các vùng xung quanh, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển với các tỉnh trong khu vực và cả nước;

- Hình thành các phân ngành, sản phẩm mũi nhọn chủ lực có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao trong các ngành công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp nhằm tạo ra thế và lực cho sự phát triển lâu dài;

- Tạo nhiều việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; góp phần quyết định vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng hiện đại;

- Tạo ra một khu vực có môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi để thu hút đầu tư, với các cơ chế, chính sách khuyến khích và ưu đãi nhất, bộ máy quản lý đạt hiệu quả để thu hút đầu tư.

III. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA KHU KINH TẾ NAM PHÚ YÊN

Khu kinh tế Nam Phú Yên có các phân khu chức năng chính là: khu đô thị

trung tâm; khu phi thuế quan và khu thuế quan.

1. Khu phi thuế quan: diện tích khoảng 320 ha gần với khu cảng Vũng Rô và Khu cảng Bãi Gốc trong Khu kinh tế Nam Phú Yên là một khu vực đột phá quan trọng, một nhân tố mang tính quyết định đến sự phát triển và thu hút đầu tư của Khu kinh tế.

2. Khu thuế quan: là toàn bộ khu vực còn lại của Khu kinh tế Nam Phú Yên, (gồm các phân khu chính như: khu cảng thuế quan, các khu công nghiệp, các khu du lịch, khu đô thị, khu hành chính trung tâm và các khu dân cư).

3. Cơ chế, chính sách: Khu kinh tế Nam Phú Yên được phép áp dụng những cơ chế, chính sách, pháp luật có mức độ khuyến khích đầu tư và ưu đãi nhất theo quy định, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để đủ sức hấp dẫn, thu hút được các nguồn lực đầu tư phát triển trong và ngoài nước.

Ban Quản lý Khu kinh tế Nam Phú Yên là cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và Bộ trưởng Bộ Nội vụ, trực tiếp thực hiện quản lý tập trung, thống nhất hoạt động đầu tư, xây dựng và phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên theo quy hoạch, kế hoạch, tiến độ và các cơ chế, chính sách đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Định hướng phát triển công nghiệp

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp gắn với các thế mạnh của Khu kinh tế như công nghiệp lọc dầu, công nghiệp hoá dầu; các ngành công nghiệp gắn với khai thác biển và cảng biển; các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động; các ngành công nghiệp hướng đến xuất khẩu; các ngành công nghiệp có công nghệ tiên tiến, phải đảm bảo an toàn tuyệt đối về tác động môi trường;

- Hình thành các sản phẩm công nghiệp chủ lực có tầm ảnh hưởng lớn, có sức cạnh tranh cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế nhằm tạo ra thế và lực cho phát triển lâu dài;

- Ưu tiên thu hút các doanh nghiệp lớn, các công ty xuyên quốc gia, làm đầu tàu lôi kéo sự phát triển của Khu kinh tế Nam Phú Yên;

- Sử dụng hiệu quả đất tại 3 khu công nghiệp tập trung đã có; hình thành thêm một số khu công nghiệp hiện đại trong Khu kinh tế Nam Phú Yên; phát triển các cụm công nghiệp, các loại hình công nghiệp vừa và nhỏ làm vệ tinh cho các khu công nghiệp, các doanh nghiệp công nghiệp lớn trong Khu kinh tế Nam Phú Yên.

Với định hướng trên, từ nay đến năm 2020, tập trung phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu sau: công nghiệp lọc - hoá dầu, công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, công nghiệp ô tô, cơ khí chế tạo động cơ, phụ tùng, công nghiệp dệt may, sản xuất hàng hoá tiêu dùng; công nghiệp điện tử, cơ khí chính xác, tự động hoá, lắp ráp, gia công, bao bì; công nghiệp chế biến thực phẩm

công nghệ cao; công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản.v.v. Định hướng phát triển các ngành công nghiệp cụ thể như sau:

a) Công nghiệp lọc, hóa dầu: tập trung thúc đẩy việc hoàn thành thủ tục đầu tư, sớm triển khai xây dựng Dự án Nhà máy lọc dầu Vũng Rô (100% vốn đầu tư nước ngoài), Dự án đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp hóa dầu và dự án Tổ hợp hoá dầu Naphtha Cracking (100% vốn nước ngoài).

b) Công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu thuyền: cần khuyến khích phát triển các nhà máy đóng mới và sửa chữa tàu biển với năng lực đóng mới tàu đến 20.000 DWT và sửa chữa tàu đến 100 ngàn tấn. Thúc đẩy để sớm triển khai giai đoạn 2, Dự án Nhà máy đóng và sửa chữa tàu của Tập đoàn Vinashin.

c) Công nghiệp cơ khí chế tạo, phụ tùng: phát triển mạnh các ngành công nghiệp cơ khí phục vụ sản xuất và lắp ráp ô tô, xe cơ giới; lắp ráp các máy nặng; sản xuất và sửa chữa, lắp ráp các phương tiện vận tải nặng, các thiết bị nâng đỡ; sản xuất máy xây dựng, các thiết bị cho nhà máy xi măng, nhà máy đường; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ chế biến nông lâm thủy sản; thiết bị nổ; thiết bị cơ khí chính xác; lắp ráp thiết bị kỹ thuật số.

d) Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng như dệt may, da giày, điện tử, điện lạnh cao cấp, thiết bị điện, đồ điện chất lượng cao, cáp điện các loại, bóng điện cao áp thủy ngân.v.v. phục vụ cho nhu cầu của cả vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và xuất khẩu.

đ) Các ngành công nghiệp chế biến nông thủy sản: đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến nông thủy sản để nâng cao giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá nông ngư nghiệp; nghiên cứu triển khai xây dựng nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu (công suất 2.500-3.000 tấn/năm), xây dựng nhà máy bia (công suất 100 triệu lít/năm) và xây dựng các nhà máy chế biến thực phẩm đồ hộp, nhà máy hoa quả hộp, nước giải khát, thức ăn gia súc.v.v.

e) Các ngành công nghiệp khác: đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến để nâng cao giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá nông - lâm - ngư ; nghiên cứu triển khai xây dựng nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu (công suất 2.500-3.000 tấn/năm); và các nhà máy chế biến thực phẩm đồ hộp, nhà máy hoa quả hộp, nước giải khát, thức ăn gia súc.v.v; sẽ phát triển các ngành công nghiệp sản xuất, gia công thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học, lĩnh vực vật liệu xây dựng mới; sản xuất, gia công, lắp ráp thiết bị văn phòng; sản xuất, gia công, chế tạo mẫu sản phẩm, bao bì; sản xuất, gia công hàng chất lượng cao (vàng, bạc, đá quý, hoá mỹ phẩm.v.v.); sản xuất rượu, các sản phẩm từ nhựa cao cấp, chất tẩy rửa, hoá mỹ phẩm, chế biến đồ hộp, hoa quả xuất khẩu, sản xuất bao bì, in ấn nhãn hàng hoá, đồ gia dụng, dụng cụ thể dục thể thao, thiết bị, văn phòng phẩm.

2. Định hướng phát triển các ngành dịch vụ

Tập trung phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ chủ lực như dịch vụ cảng và vận tải biển, du lịch, thương mại, tài chính - ngân hàng, bưu chính - viễn thông.v.v. Định hướng phát triển các ngành dịch vụ cụ thể như sau:

a) Phát triển dịch vụ cảng và vận tải biển: phát triển các dịch vụ cảng và vận tải biển trở thành ngành kinh tế chủ lực, đưa Nam Phú Yên trở thành một trung tâm kinh tế hàng hải của vùng Nam Trung Bộ. Dự báo hàng qua cảng Vũng Rô đạt khoảng 1,8-2 triệu tấn vào năm 2010 và đạt khoảng 4,2-4,5 triệu tấn vào năm 2020. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu phát triển, cần tập trung xây dựng, nâng cấp cảng Vũng Rô đạt công suất khoảng 1,5 triệu tấn vào năm 2010, và đạt từ 4-6 triệu tấn vào năm 2020.

- Về dịch vụ cảng: phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ cảng (như: đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; lai dắt tàu biển; đại lý vận tải hàng hoá tàu biển; cung ứng tàu biển, thủy thủ; giao nhận và kiểm đếm hàng hoá; bốc dỡ hàng hoá, kho bãi, xuất nhập khẩu, chuyển khẩu quá cảnh; sửa chữa tàu biển tại cảng; vệ sinh môi trường biển; cứu hộ trên biển.v.v.).

- Về vận tải biển: phát triển dịch vụ vận tải biển theo hướng từng bước xây dựng đội tàu vận tải phù hợp để tham gia vào vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu qua khu vực cảng Vũng Rô; phát triển đồng bộ, theo cơ cấu hợp lý đội tàu viễn dương gắn với nhu cầu vận chuyển (gồm : tàu rời chuyên dụng, tàu chuyên dụng chở container, tàu 2 boong chở gạo và nông sản đóng bao.v.v).

b) Phát triển du lịch: tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng ngành du lịch; ưu tiên phát triển một số khu du lịch hiện đại, quy mô lớn; khôi phục, nâng cấp các di tích lịch sử; tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch; tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của người dân về dịch vụ du lịch; ứng dụng khoa học kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ thông tin vào phát triển du lịch ; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch và bảo vệ tài nguyên môi trường. Phát triển các sản phẩm du lịch như nghỉ mát, tắm biển, thể thao trên bờ và trên biển, khảo sát, nghiên cứu sinh vật biển, du thuyền ra thăm các tuyến đảo, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, leo núi, cắm trại, thăm viếng danh thắng, di tích lịch sử, tham dự lễ hội, làng chài, du lịch công vụ, hội nghị, hội chợ, triển lãm.v.v; hình thành các trung tâm du lịch Vũng Rô - Đá Bia; liên kết hình thành các tour du lịch với các trung tâm du lịch khác của tỉnh (như: Sông Cầu, Tuy An, thành phố Tuy Hoà) và các trung tâm du lịch nước ngoài, với thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội, các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

c) Phát triển thương mại: xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên thành trung tâm giao dịch thương mại, bán buôn, bán lẻ, trung tâm thu phát hàng xuất nhập khẩu lớn; một trung tâm xúc tiến thị trường và vận động đầu tư lớn của Phú Yên và vùng Nam Trung Bộ. Hướng phát triển thương mại là: đa dạng hóa các hoạt động thương mại phục vụ sản xuất, đời sống dân cư; ưu tiên phát triển các loại hình thương mại xuất khẩu, chuyển khẩu ủy thác, tạm nhập tái xuất, các dịch vụ xúc tiến thương mại, hỗ trợ mua bán hàng hóa.v.v.; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại, mở rộng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước. Nhiệm vụ cụ thể là:

- Xây dựng khu phi thuế quan hiện đại gắn với khu cảng Vũng Rô;

- Xây dựng một trung tâm thương mại tầm cỡ, quy mô khoảng 40.000-50.000m² sàn. Trung tâm này có chức năng giao dịch thương mại (cung cấp các dịch vụ trưng bày, triển lãm, thông tin, nguồn hàng, đối tác và cơ hội đầu tư, thương lượng ký kết hợp đồng.v.v.), và dịch vụ văn phòng (cung cấp mặt bằng, trụ sở cho các đại diện, chi nhánh, doanh nghiệp);

- Xây dựng trung tâm thông tin - tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp; là nơi diễn ra các hoạt động tư vấn, các giao dịch giữa các doanh nghiệp, giữa các cơ quan quản lý và doanh nghiệp, giữa các đối tác trong và ngoài nước về thị trường hàng hoá, dịch vụ, công nghệ, nhân lực, vốn;

- Xây dựng các cơ sở mua bán lớn như: siêu thị lớn, hiện đại, quy mô khoảng 4.000-6.000 m² kết hợp với các văn phòng đại diện, xúc tiến thương mại - đầu tư, các chợ đầu mối, các siêu thị với quy mô vừa tại các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch và các khu dân cư tập trung; các chợ tại các đầu mối giao thông và các khu dân cư nông thôn, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt ngày càng cao của nhân dân (giai đoạn 2006-2010, phát triển chợ trên cơ sở nâng cấp hệ thống chợ hiện có, giai đoạn 2011-2020, kiên cố hoá 100% chợ);

- Phát triển, nâng cấp hệ thống kho đầu mối thông dụng.

d) Phát triển tài chính - ngân hàng: xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên trở thành trung tâm giao dịch tài chính - ngân hàng lớn của tỉnh Phú Yên; tạo thuận lợi để các ngân hàng nước ngoài thành lập các chi nhánh, trong đó đặc biệt là chi nhánh của các tập đoàn ngân hàng lớn trên thế giới. Khuyến khích phát triển các hình thức ngân hàng cổ phần, tín dụng ngoài quốc doanh để phát triển các dịch vụ tiền tệ; mở rộng và phát triển đa dạng các dịch vụ tiện ích ngân hàng; phát triển các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; đa dạng hoá các dịch vụ ngân hàng: nhận gửi, cho vay, cho thuê tài chính, thanh toán và chuyển tiền, thế chấp và cam kết, giao dịch qua tài khoản, môi giới cho vay, quản lý tài sản.v.v; mở rộng các loại dịch vụ bảo hiểm, đặc biệt là dịch vụ bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu qua cảng. Hình thành trung tâm giao dịch hoặc chi nhánh giao dịch chứng khoán trong Khu kinh tế.

đ) Phát triển hệ thống thông tin liên lạc: phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên thành trung tâm viễn thông lớn, tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Phát triển mạng bưu cục, kiốt, ghi-sê, điểm, đại lý bưu điện (nhất là đại lý bưu điện đa dịch vụ);

- Xây dựng mạng lưới viễn thông hiện đại, đồng bộ và rộng khắp, cung cấp các dịch vụ đa dạng, chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế, chú trọng phát triển mạng viễn thông nông thôn;

- Liên doanh với nước ngoài xây dựng hệ thống viễn thông, trước hết ở các khu vui chơi giải trí, khách sạn cho người nước ngoài, các trung tâm, các khu chế xuất và khu công nghiệp tập trung, các trụ sở của các doanh nghiệp trên địa bàn.

e) Phát triển các dịch vụ khác: phát triển có chọn lọc, vững chắc, lành mạnh, theo tiêu chuẩn quốc gia các ngành dịch vụ khác như tư vấn, khoa học công nghệ, kinh doanh tài sản, đầu tư, thị trường, dịch vụ có hàm lượng chất xám cao, nghiên cứu ứng dụng công nghệ, y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao, dịch vụ đô thị.v.v.

3. Định hướng phát triển nông - lâm - ngư nghiệp

a) Trồng trọt: hình thành các khu sản xuất nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, khu nuôi trồng thủy sản theo hướng sạch bệnh, bền vững. Phát triển mạnh kinh tế vườn và kinh tế trang trại; nâng giá trị trên diện tích đất canh tác bình quân lên 70-100 triệu đồng/ha. Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu cây trồng theo hướng chuyên canh, tập trung, thâm canh cao; dành 60-70% diện tích trồng cây thực phẩm để trồng rau sạch, rau cao cấp phục vụ cho khu đô thị mới và các khu công nghiệp, du lịch trong Khu kinh tế và thành phố Tuy Hòa. Hình thành một khu sản xuất rau sạch (rau an toàn) áp dụng công nghệ cao tại Phú Lâm.

b) Chăn nuôi: phát triển mạnh chăn nuôi, nhất là chăn nuôi theo hình thức trang trại công nghiệp gắn với chế biến, công tác thú y, dịch vụ thú y, xây dựng vùng an toàn dịch gia súc, gia cầm. Xây dựng một số trang trại lớn trong Khu kinh tế kết hợp với quy mô vừa và nhỏ ở các hộ gia đình, đảm bảo nguồn thực phẩm cung cấp cho Khu kinh tế và một phần cho chế biến xuất khẩu.

c) Phát triển lâm nghiệp: sử dụng tổng hợp nguồn lợi rừng, kết hợp các mục đích phòng hộ, bảo vệ môi trường với du lịch. Phát triển mạnh trồng rừng, kể cả trồng rừng tập trung và trồng cây phân tán, hình thành một vành đai cây xanh bảo vệ cho Khu kinh tế Nam Phú Yên. Xây dựng dự án trồng rừng chắn gió và cát tại khu vực ven biển. Có kế hoạch trồng mới, chăm sóc và bảo vệ diện tích rừng phòng hộ, cảnh quan tại khu vực Đèo Cả, thuộc Hòa Xuân Nam.

Khuyến khích xây dựng các mô hình trang trại lâm nghiệp và trang trại nông - lâm kết hợp; phát triển trồng cây phân tán ở các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, khu công viên và trồng cây xanh dọc các đường giao thông.v.v. Phấn đấu đạt tỷ lệ cây xanh từ 8-10 m²/người, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ và cải thiện môi trường sống, đồng thời tạo cảnh quan sinh thái cho khu đô thị trong Khu kinh tế Nam Phú Yên.

Tổ chức công tác quản lý bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng, phòng chống cháy rừng, phòng trừ sinh vật gây hại rừng, kinh doanh, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh thực vật, động vật rừng tuân theo các quy định hiện hành.

d) Phát triển thủy sản: phát triển các ngành nghề khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá; gắn khai thác, nuôi trồng với chế biến để nâng cao giá trị sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu. Hình thành một cảng cá tại Phú Lạc, Hòa Hiệp Nam để phục vụ phát triển nghề cá.

Chuyển đổi nghề nghiệp cho lực lượng lao động khai thác ven bờ sang các ngành nghề khác như nuôi trồng, chế biến thủy sản, dịch vụ nghề cá, dịch vụ du

lich.v.v. Phát triển du lịch kết hợp nuôi trồng thủy sản tại khu vực hạ lưu sông Bàn Thạch. Tiếp tục đầu tư phát triển phương tiện đánh bắt hải sản xa bờ trên cơ sở củng cố, nâng cao hiệu quả của các đội tàu đánh bắt xa bờ. Tăng cường khai thác xa bờ nhằm bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Tiến hành quy hoạch chi tiết vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ nhằm hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản chuyên canh, phục vụ nhu cầu của Khu kinh tế và tạo nguồn nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu.

4. Định hướng phát triển các lĩnh vực xã hội

a) Dân số, lao động: dự báo đến năm 2010, quy mô dân số của Khu kinh tế Nam Phú Yên khoảng 120-125 nghìn người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 34% và đến năm 2020, quy mô dân số khoảng 156-160 nghìn người, tỷ lệ đô thị hóa trên 70%. Đến năm 2010, tổng lao động xã hội khoảng 69 nghìn người (chiếm khoảng 57% dân số) và đến năm 2020, khoảng 94 nghìn người (chiếm khoảng 60% dân số). Nhu cầu lao động cho phát triển của Khu kinh tế Nam Phú Yên khoảng 64 nghìn người vào năm 2010 và khoảng 87,5 nghìn người vào năm 2020; trong đó lao động nông - lâm - ngư nghiệp khoảng 32 nghìn người, lao động công nghiệp - xây dựng khoảng 18 nghìn người và lao động các ngành dịch vụ khoảng 14,1 nghìn người vào năm 2010 và tương ứng là 17,5 nghìn, 33,2 nghìn và 36,7 nghìn vào năm 2020. Nhu cầu trên được đáp ứng nhờ thu hút một phần lao động ở các khu vực lân cận hàng ngày đến làm việc tại Khu kinh tế và nhờ việc cơ cấu lại lực lượng lao động theo hướng chuyển dần lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Theo tính toán, tỷ lệ lao động nông - lâm - ngư nghiệp sẽ giảm mạnh từ 81% hiện nay xuống còn 50% vào năm 2010 và 20% vào năm 2020; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp sẽ tăng nhanh, đến năm 2010, chiếm khoảng 50% và đến năm 2020 chiếm 80% tổng số lao động của Khu kinh tế (trong đó lao động công nghiệp - xây dựng chiếm 38%, lao động các ngành dịch vụ chiếm 42%).

b) Giáo dục - đào tạo: xây dựng đội ngũ nhân lực đủ trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực trong Khu kinh tế Nam Phú Yên với các nội dung chính:

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá trong công tác đào tạo và đào tạo; xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật các trường học. Phấn đấu 100% trường học trong Khu kinh tế đạt chuẩn quốc gia trước năm 2020. Thành lập thêm một số trường phổ thông các cấp ở các Khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu dịch vụ.v.v. để đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ trong độ tuổi. Phấn đấu đạt phổ cập giáo dục trung học vào năm 2012;

- Củng cố, nâng cấp các trường cao đẳng, đại học hiện có theo hướng đào tạo đa cấp, đa ngành phù hợp với nhu cầu nhân lực theo hướng phát triển của Khu kinh tế. Liên kết, mở rộng đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp nông thôn. Phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 40% vào năm 2010 và trên 80% vào năm 2020;

- Chú trọng đào tạo chuyên nghiệp, các nhà doanh nghiệp về công nghiệp,

dịch vụ, du lịch.v.v; có chính sách ưu đãi nhằm thu hút các chuyên gia và lao động kỹ thuật giỏi trong và ngoài nước về làm việc tại Khu kinh tế.

c) Y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân: tiếp tục triển khai Nghị quyết 46-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; củng cố tuyến y tế cơ sở phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân tại cộng đồng; sắp xếp mạng lưới khám chữa bệnh, tăng cường đầu tư và quản lý tốt nguồn lực, đầu tư trang thiết bị cho khu vực y tế kỹ thuật; tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở khám chữa bệnh hiện có; chủ động và tích cực làm tốt công tác y tế dự phòng, phát triển các phong trào vệ sinh phòng bệnh và bảo vệ môi trường; triển khai các chương trình y tế quốc gia và phòng chống bệnh dịch nguy hiểm để hạ thấp tỷ lệ người mắc bệnh trong cộng đồng; thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình và các chương trình y tế quốc gia.

Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Hoà Hiệp Trung và các cơ sở y tế hiện có trong Khu kinh tế. Phát triển các cơ sở y tế mới với trang thiết bị hiện đại, có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân, cán bộ công nhân viên của Khu kinh tế, kể cả cho các thủy thủ, chuyên gia và khách du lịch người nước ngoài bằng các hình thức đầu tư theo hướng xã hội hoá.

d) Văn hoá, thông tin, thể dục thể thao: xây dựng tốt đời sống văn hoá cơ sở, tiếp thu có chọn lọc các tinh hoa văn hoá hiện đại đồng thời với giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá của Việt Nam nói chung và Phú Yên nói riêng, góp phần xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Mở rộng và nâng cao chất lượng của hệ thống các cơ quan thông tin đại chúng. Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá theo hướng xây dựng đời sống văn hoá, văn minh đô thị vừa thể hiện được nét đặc sắc của văn hoá truyền thống, vừa bắt kịp với sự văn minh tiên bộ của nhân loại. Kết hợp hài hoà các loại hình văn hoá như chiếu phim, biểu diễn nghệ thuật, đọc sách báo, nhằm nâng cao dân trí về văn minh đô thị và mức hưởng thụ văn hoá của mọi người dân. Trước mắt, cần tập trung vào một số nội dung sau:

- Xây dựng một số trung tâm văn hóa ở các khu vực tập trung dân cư; nâng cấp trang thiết bị mạng lưới thông tin - truyền thanh ở các xã; hoàn thiện hệ thống các nhà bưu điện - văn hóa xã;

- Xây dựng trạm tiếp sóng phát thanh, truyền hình với trang thiết bị hiện đại; để phủ sóng 100% diện tích trong Khu kinh tế.

đ) Bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững:

- Xử lý nước thải: nước thải trong từng khu chức năng (bao gồm cả nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp) phải được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung hoặc sử dụng tuần hoàn cho các mục đích khác như: tưới cây, rửa đường, cứu hỏa, làm mát máy trong công nghiệp.v.v. Đối với nước thải sinh hoạt của khu đô thị mới và các khu du lịch, dịch vụ.v.v. sẽ được xử lý cục bộ, chảy theo hệ thống đường cống chính xây dựng dọc các đường phố về từng khu vực, sau đó bơm đến trạm xử lý

chung rồi mới đổ ra môi trường.

Dự kiến bố trí 4-5 khu vực xử lý riêng với công suất mỗi trạm từ 10.000-15.000 m³/ngày đêm (chia làm 2 giai đoạn, trong đó giai đoạn 1 khoảng 2.000-5.000 m³/ngày đêm/trạm). Tại khu phi thuế quan sẽ xây dựng hệ thống cống thu gom nước thải dẫn đến khu xử lý làm sạch rồi mới thải ra môi trường.

Đối với nước thải công nghiệp sẽ xây dựng hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải riêng đạt tiêu chuẩn cho phép để sử dụng lại hoặc dẫn ra cống thoát nước chung trước khi thải ra môi trường. Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống xử lý tiên tiến với công nghệ xử lý hiện đại để có thể sử dụng tuần hoàn nhằm tiết kiệm nước. Riêng đối với các nước thải có chất độc hại phải được xử lý cục bộ riêng ở từng nhà máy bằng phương pháp thích hợp đạt tiêu chuẩn quy định sau đó mới dẫn đến trạm xử lý nước thải khu công nghiệp để làm sạch trước khi thoát ra cống thoát nước chung.

- Xử lý chất thải rắn: căn cứ theo tiêu chuẩn rác thải đô thị, dự báo đến năm 2010, lượng rác thải thường của Khu kinh tế Nam Phú Yên khoảng 60-70 tấn/ngày và năm 2020, khoảng 170-200 tấn/ngày; đến năm 2010, rác thải công nghiệp khoảng 160-200 tấn/ngày và đến năm 2020 lên tới 400-450 tấn/ngày. Để đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường đô thị, cần thực hiện việc phân loại rác ngay ở mỗi đơn vị trong từng khu chức năng và từng hộ gia đình. Hoàn thiện việc xây dựng khu xử lý rác thải chung cho Khu kinh tế Nam Phú Yên và thành phố Tuy Hòa với quy mô dự tính khoảng 30 ha và sử dụng công nghệ tiên tiến để xử lý rác thải đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường.

- Về xử lý bụi, khí thải và tiếng ồn: tất cả các nhà máy, xí nghiệp trong Khu kinh tế phải có các thiết bị xử lý khói, bụi và tiếng ồn, đảm bảo không được vượt quá giới hạn cho phép, đạt tiêu chuẩn Việt Nam. Các dự án đầu tư vào Khu kinh tế phải có Báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện. Bên cạnh đó phải tăng cường trồng cây xanh để bảo vệ và cải thiện môi trường xung quanh.

5. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng

a) Đầu tư cụm cảng của Khu kinh tế Nam Phú Yên

- Nâng cấp cảng Vũng Rô: theo Quyết định số 202/1999/QĐ-TTg ngày 12/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ "Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2010", Quyết định số 113/2005/QĐ-TTg ngày 20/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ "Về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị" và phương hướng phát triển giao thông vận tải đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; từ nay đến năm 2010, cảng Vũng Rô sẽ tiếp tục khai thác và đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục thuộc giai đoạn 2 cảng vận tải tại Bãi Lách. Đồng thời sẽ xây dựng cảng vận tải tổng hợp Vũng Rô tại Bãi Chính để có thể tiếp nhận tàu có trọng tải trên 30.000 tấn và tiếp nhận tàu dầu có trọng tải 150.000 DWT, đưa năng lực thông qua cảng Vũng Rô lên khoảng 1 triệu tấn/năm vào năm 2010; sau năm 2010, sẽ nâng cấp cảng Vũng Rô lên công suất khoảng 4-5 triệu tấn/năm.

- Đầu tư xây dựng mới cảng Bãi Gốc thành một cảng lớn để có thể tiếp nhận tàu trên 250.000 DWT (thuộc dự án Hạ tầng Khu công nghiệp hóa dầu Hòa Tâm và Tổ hợp hóa dầu Naphtha Cracking Phú Yên).

b) Nâng cấp cảng hàng không Tuy Hoà

Hiện tại, sân bay Tuy Hoà (tên cũ là sân bay Đông Tác) mới chỉ khai thác hai chiều tuyến bay Tuy Hoà - Thành phố Hồ Chí Minh với tần suất ba chuyến/tuần bằng loại máy bay ATR72. Tổng cục Du lịch và Bộ Giao thông vận tải đã quy hoạch sân bay Tuy Hoà trở thành sân bay để phục vụ nhu cầu du lịch không chỉ của Phú Yên mà của cả khu vực Bắc Khánh Hòa. Để tạo điều kiện cho việc phát triển du lịch và triển khai các dự án có quy mô lớn như Nhà máy lọc dầu Vũng Rô, Khu công nghiệp hóa dầu và Tổ hợp hóa dầu Naphtha Cracking.v.v; giao Bộ Giao thông vận tải phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên nghiên cứu nâng cấp cảng hàng không Tuy Hoà nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trong khu vực.

c) Phát triển hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt

- Giao thông đối ngoại: nâng cấp và xây dựng mới các tuyến giao thông quan trọng liên kết giữa Khu kinh tế với bên ngoài như:

+ Nâng cấp mở rộng quốc lộ 1A đoạn qua khu Khu kinh tế Nam Phú Yên thành 6 làn xe;

+ Nâng cấp tỉnh lộ 645 thành quốc lộ; đây là đường huyết mạch nối Khu kinh tế Nam Phú Yên với Đắc Lắc, Tây Nguyên đến cửa khẩu Đăk Riê - Campuchia;

+ Nâng cấp Quốc lộ 25 (đường nối thành phố Tuy Hoà với Gia Lai, kết nối với đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14) đảm bảo thông thương dễ dàng từ Phú Yên lên Tây Nguyên theo hướng Gia Lai đến cửa khẩu Bờ Y (Kom Tum);

+ Đầu tư hoàn thành trục giao thông phía Tây Tĩnh nối với các tỉnh khu vực Tây Nguyên và trục giao thông ven biển nối Phú Yên với Khánh Hoà và Bình Định;

+ Xây dựng dự án Hầm đường bộ Đèo Cả;

+ Nâng cấp ga Tuy Hoà trên tuyến đường sắt Thống Nhất thành ga cấp 2. Hình thành ga hàng hóa Phú Hiệp (ga hàng hoá phục vụ chủ yếu cho Khu kinh tế Nam Phú Yên);

+ Xây dựng tuyến đường sắt Tuy Hoà - Buôn Mê Thuột. Điểm xuất phát của tuyến đường sắt này bắt đầu từ ga Phú Hiệp, điểm cuối tại Buôn Mê Thuột, men theo tỉnh lộ 645, dọc theo thung lũng sông Ba;

+ Đầu tư nâng cấp sân bay Tuy Hoà nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trong khu vực (phục vụ cho Khu kinh tế Nam Phú Yên, Khu kinh tế Văn Phong và phát triển du lịch) bằng các nguồn vốn đầu tư như FDI. BOT.v.v.

- Giao thông nội bộ Khu kinh tế: đầu tư xây dựng đồng bộ, từng bước

hiện đại hóa các trục giao thông quan trọng trong Khu kinh tế Nam Phú Yên theo quy hoạch đã duyệt.

+ Từ nay đến năm 2010, hoàn thành xây dựng các tuyến đường chính trong Khu kinh tế. Sau năm 2010, nâng cấp và hoàn chỉnh các đường nhánh trong khu đô thị mới và hệ thống đường nội bộ trong Khu phi thuế quan và các khu công nghiệp, khu du lịch.v.v;

+ Chú trọng phát triển giao thông nông thôn. Đến năm 2010, cơ bản hoàn thành nâng cấp các đường xã và liên xã hiện có lên đường cấp IV đồng bằng;

+ Các công trình giao thông khác: từ nay đến năm 2010, xây dựng mới một bến xe khách đối ngoại, quy mô khoảng 1,5-2 ha; sau năm 2010, xây dựng tiếp một bến theo tiến độ phát triển của Khu kinh tế, đáp ứng nhu cầu đi lại của dân cư.

d) Phát triển hệ thống cấp thoát nước

- Cấp nước: để đảm bảo nhu cầu nước cho phát triển khu kinh tế đến 2020, nghiên cứu xây dựng mới nhà máy nước công suất 400-450 nghìn m³/ngày đêm cấp nước cho toàn bộ Khu kinh tế.

- Thoát nước mưa: đối với khu đô thị mới, các khu công nghiệp tập trung và nhà nghỉ du lịch: việc xử lý nước mưa được gắn với quy hoạch cốt san nền của Khu kinh tế và hệ thống cống, rãnh, thoát nước chung khép kín, tự chảy. Đối với khu dân cư cũ cải tạo, chỉnh trang và xây dựng mới: quy hoạch hệ thống cống rãnh thoát nước phù hợp, tự chảy ra hệ thống thoát nước chung. Tất cả hệ thống thoát trên phải bảo đảm thoát nước cho Khu kinh tế không bị ngập úng cục bộ, bảo vệ môi trường và mọi hoạt động của Khu kinh tế.

đ) Phát triển hệ thống cấp điện

Trước mắt, nguồn cung cấp điện chủ khu vực lấy từ lưới điện quốc gia, từ 2 đường dây 110 KV là Quy Nhơn - Tuy Hoà và Nha Trang - Tuy Hoà qua các trạm trung gian 110/35/0 KV công suất 2x25 MVA.

Trong tương lai, khi xây dựng xong thủy điện sông Ba Hạ, Eakrông Hnăng và tuyến đường dây 220 KV Quy Nhơn - Tuy Hoà và Nha Trang - Tuy Hoà và trạm biến áp 220/110 KV-125 MVA thì nguồn điện cho Khu kinh tế Nam Phú Yên sẽ được đáp ứng đầy đủ. Dự kiến đặt 5-7 trạm 110 KV: tại khu dân cư đô thị (công suất 2x40MVA); tại các KCN, kho tàng và cảng biển Vũng Rô, tại nhà máy đóng tàu, các khu du lịch.v.v. (công suất 2 x 63MVA). Lưới 110 từ trạm 220 KV có các lộ 110 KV mạch kép dẫn tới các trạm 110 KV. Lưới 22 KV dùng cáp ngầm (vì đây là khu đô thị mới); trường hợp khó khăn về kinh phí sẽ dùng cáp nổi có bọc cách điện. Lưới 22 KV có kết cấu mạch vòng kín, vận hành hở. Đối với khu vực nông thôn, nâng cấp và cải tạo hoàn chỉnh hệ thống lưới điện trung áp và hạ áp của các xã, nâng cao chất lượng cấp điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

e) Xây dựng tuyến đường ống dẫn dầu Đông - Tây nối Phú Yên với các

tỉnh Tây Nguyên và vùng 3 biên giới Nam Lào, Bắc Cam-pu-chia và Đông Bắc Thái Lan.

V. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ

1. Định hướng sử dụng đất

Định hướng sử dụng đất của Khu kinh tế Nam Phú Yên đến năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: ha

Chỉ tiêu	Diện tích	Tỷ lệ
Tổng diện tích tự nhiên	20.730	100
I. Đất khu phi thuế quan	320	1,5
1. Đất khu cảng tự do	70	0,34
2. Đất khu thương mại và dịch vụ	80	0,39
3. Đất khu công nghiệp, khu chế xuất	70	0,34
4. Đất khu ngoại quan	100	0,48
II. Đất khu vực thuế quan	20.410	98,5
1. Đất xây dựng, đô thị	7.750	37,4
a) Đất ngoài dân dụng	4.800	23,2
- Đất khu cảng thuế quan	300	1,4
- Đất công nghiệp	2.700	13,0
- Đất kho tàng bến bãi công nghiệp	800	3,9
- Đất dự trữ phát triển công nghiệp	1.000	4,8
b) Đất xây dựng dân dụng	2.950	14,2
- Đất công trình công cộng	70	0,3
- Đất khu đô thị	1.500	7,2
- Đất ở làng xóm đô thị hóa	700	3,4
- Đất tái định cư	300	1,4
- Đất ở chuyên gia	30	0,1
- Đất các trường đào tạo	50	0,2
- Đất cây xanh cách ly, công viên sinh thái	300	1,4
2. Đất các khu du lịch	800	3,9
3. Đất khác	11.860	57,2
- Đất giao thông đối ngoại và đầu mối hạ tầng	250	1,2

- Đất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản	2.200	10,6
- Đất rừng, đồi núi, đất chưa sử dụng, đất khác	9.410	45,4

2. Định hướng hình thành các phân khu chức năng

a) Khu đô thị trung tâm: khu đô thị trung tâm có chức năng là khu trung tâm hành chính, quản lý, điều hành; trung tâm thương mại - dịch vụ, du lịch của Khu kinh tế. Dự kiến quy mô dân số đô thị là 4,1 vạn người vào năm 2010 và khoảng 11 vạn người vào năm 2020. Quy mô và vị trí cụ thể của khu đô thị trung tâm sẽ được xác định cụ thể trong quy hoạch chung xây dựng của Khu kinh tế Nam Phú Yên. Khu đô thị trung tâm sẽ được nghiên cứu xây dựng theo hướng là một đô thị văn minh, hiện đại, có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội đồng bộ, môi trường xanh sạch đẹp với các phân khu chức năng chính là: khu hành chính, khu thương mại - dịch vụ, khu văn phòng đại diện, các khu chuyên ngành, khu các công trình công cộng, khu dân cư, khu nghỉ dưỡng.v.v.

Trong giai đoạn 2008-2010, sẽ bố trí khoảng 500-700 ha đất xây dựng dùng để xây dựng dân dụng, bao gồm: các khu ở tái định cư, khu ở chuyên gia, một số công trình dịch vụ thương mại công cộng, dịch vụ hạ tầng xã hội, các nhóm nhà ở đô thị mới như chung cư, biệt thự, nhà vườn.v.v.

b) Khu phi thuế quan: có diện tích khoảng 320 ha, gần với khu cảng Vũng Rô trong Khu kinh tế Nam Phú Yên, là một khu vực đột phá quan trọng, một nhân tố mang tính quyết định đến sự phát triển và thu hút đầu tư của Khu kinh tế. Khu phi thuế quan được ngăn cách với các khu thuế quan trong Khu kinh tế và nội địa Việt Nam bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra - vào, đảm bảo sự kiểm soát của các cơ quan chức năng liên quan. Trong khu phi thuế quan có cơ quan hải quan để giám sát, kiểm tra, làm thủ tục hải quan hàng hoá ra, vào; không có khu dân cư và dân cư cư trú thường xuyên hoặc tạm trú (kể cả người nước ngoài). Hoạt động chủ yếu là sản xuất (gia công, tái chế, lắp ráp hàng xuất nhập khẩu phục vụ tại chỗ và kinh doanh thương mại (về hàng hoá: xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển khẩu, tạm nhập - tái xuất, phân phối, cửa hàng và siêu thị bán lẻ, cửa hàng và siêu thị miễn thuế; về dịch vụ: phân loại, đóng gói, vận chuyển giao nhận hàng hoá quá cảnh, bảo quản, kho tàng, kho ngoại quan, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, vận tải, bảo hiểm, vui chơi, giải trí, nhà hàng ăn uống; về xúc tiến thương mại: hội chợ triển lãm, các cửa hàng giới thiệu sản phẩm, các chi nhánh và văn phòng đại diện của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các dịch vụ tài chính - ngân hàng và các hoạt động thương mại khác).

Do đặc điểm địa hình riêng ở khu vực Nam Phú Yên, không thể bố trí Khu phi thuế quan gần sát Cảng Vũng Rô như ở các Khu kinh tế khác; địa điểm khu phi thuế quan ở đây được sơ bộ lựa chọn nằm cách cảng Vũng Rô 14km, có đường giao thông thuận tiện với nội địa, có điều kiện thuận lợi trong việc xây dựng hệ thống tường bao cách ly với bên ngoài. Toàn bộ khu phi thuế quan Khu

kinh tế Nam Phú Yên gồm ba khu chính sau:

- Khu trung tâm thương mại và dịch vụ, diện tích khoảng 80 ha, gồm bộ phận quản lý điều hành, các trung tâm hội nghị, hội chợ, triển lãm, các văn phòng đại diện, các văn phòng giao dịch xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, các cửa hàng giới thiệu sản phẩm, hệ thống các siêu thị bán lẻ, siêu thị miễn thuế, bưu điện, tài chính ngân hàng, khách sạn nhà hàng và các công trình vui chơi giải trí cao cấp. Đây còn là nơi lưu giữ hàng xuất nhập khẩu, trung chuyển hàng hóa qua cảng biển, gia công đóng gói, bao bì và sản phẩm hàng hóa.

- Khu chế xuất: diện tích khoảng 70 ha, dành cho các xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu và sản xuất hàng phục vụ nhu cầu tại chỗ.

- Khu kho ngoại quan: diện tích khoảng 100 ha, gồm hệ thống kho vận ngoại quan, các dịch vụ bảo quản, giao nhận hàng xuất nhập cảnh, trung chuyển hàng hoá qua cảng, gia công đóng gói.v.v.

Riêng khu cảng tiền phương, được đặt tại cảng Vũng Rô, diện tích khoảng 70 ha, gồm khu hậu cảng có bãi để container, kho cảng có mái, trung tâm dịch vụ điều hành quản lý cảng.

c) Khu thuế quan: khu thuế quan là toàn bộ khu vực còn lại của Khu kinh tế Nam Phú Yên, bao gồm các phân khu chính như: khu cảng thuế quan, các khu công nghiệp, các khu du lịch, khu đô thị, hành chính và các khu dân cư.

- Khu cảng thuế quan: dự kiến sẽ bố trí khoảng 300 ha. Khu cảng thuế quan bao gồm cảng tổng hợp Vũng Rô cùng với hệ thống bến bãi, kho tàng, các công trình dịch vụ cảng, cung ứng vận tải gắn liền với cảng (hậu cần cảng).

- Các khu công nghiệp tập trung: trong Khu kinh tế Nam Phú Yên sẽ hình thành và phát triển một số khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 2.700 ha. Dự kiến sẽ hình thành khoảng 5-6 khu công nghiệp (kể cả các khu công nghiệp hiện có) với chức năng và các công trình chủ lực dự kiến bố trí trong các khu này như sau:

- + Khu công nghiệp lọc dầu, hoá dầu, hoá chất: xây dựng Khu công nghiệp hóa dầu Hòa Tâm 1.300 ha; Nhà máy lọc dầu Vũng Rô (100% vốn nước ngoài), công suất thiết kế 4 triệu tấn/năm;

- + Khu công nghiệp cơ khí: nòng cốt là nhà máy đóng mới và sửa chữa tàu biển (năng lực đóng mới tàu 10.000 DWT và sửa chữa tàu 20.000 tấn), đóng mới tàu cá, tàu chuyên dùng, sản xuất container.v.v. Tại đây, sẽ bố trí các nhà máy lắp ráp các máy nặng, cơ khí sản xuất và lắp ráp ô tô, xe cơ giới; sản xuất và sửa chữa, lắp ráp các phương tiện vận tải nặng, các thiết bị nâng đỡ; thiết bị cơ khí chính xác; lắp ráp thiết bị kỹ thuật số; sản xuất máy xây dựng và các thiết bị cho nhà máy xi măng; thiết bị phục vụ chế biến nông lâm thủy sản; thiết bị nỏ;

- + Khu công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp;

- + Khu công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: sẽ bố trí nhà máy dệt, may,

da giày, điện tử, điện lạnh cao cấp, thiết bị điện, đồ điện chất lượng cao, cáp điện các loại, bóng điện cao áp thủy ngân.v.v;

+ Khu công nghiệp đa năng: sẽ bố trí nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu (công suất 3000-5.000 tấn/năm) và các nhà máy chế biến thực phẩm đồ hộp, nhà máy hoa quả hộp, nước giải khát, thức ăn gia súc; hóa chất.v.v.

Ngoài các nhà máy trên, sẽ bố trí xen kẽ vào các khu công nghiệp các doanh nghiệp công nghiệp sản xuất, gia công thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học, lĩnh vực vật liệu xây mới; sản xuất, gia công, lắp ráp thiết bị văn phòng; sản xuất, gia công, chế tạo mẫu sản phẩm, bao bì; sản xuất, gia công hàng chất lượng cao (vàng, bạc, đá quý, hoá mỹ phẩm.v.v.); sản xuất rượu; chế biến đá ốp lát, bê tông át-phan; vật liệu xây dựng cao cấp và các sản phẩm bê tông đúc sẵn, gạch tuy-nen; các sản phẩm từ nhựa cao cấp; chất tẩy rửa; kính các loại, chế biến thủy tinh; chế biến hoa quả xuất khẩu, chế biến đồ hộp; in ấn nhãn hàng hoá; giấy và các sản phẩm từ giấy; đồ gia dụng, dụng cụ thể dục thể thao, thiết bị, văn phòng phẩm.

- Các khu du lịch: dự kiến trong Khu kinh tế Nam Phú Yên sẽ xây dựng 02-03 khu du lịch hiện đại ven biển, tổng diện tích khoảng 800 ha. Trong từng khu du lịch sẽ có đồng bộ các phân khu chính như: khu trung tâm mua sắm, khu nghỉ mát tắm biển, khu công viên cây xanh, khu thể thao - vui chơi giải trí trên bờ, khu thể thao - vui chơi giải trí dưới nước và các công trình dịch vụ khác.v.v. Phát triển các sản phẩm du lịch như nghỉ mát tắm biển, thể thao trên bờ và trên biển, khảo sát, nghiên cứu sinh vật biển; du thuyền ra thăm các đảo; du lịch sinh thái; du lịch leo núi, cắm trại; du lịch văn hóa, thăm các di tích lịch sử cách mạng, lễ hội, làng chài; du lịch công vụ, hội nghị, hội chợ, triển lãm.v.v.

- Các khu dân cư: dự báo đến năm 2020, quy mô dân số toàn Khu kinh tế Nam Phú Yên khoảng 150-160 ngàn người, trong đó dân số đô thị khoảng 100-110 ngàn người (bao gồm cả số dân cư và lao động của các khu công nghiệp và du lịch, dịch vụ); dân số nông thôn khoảng 45-50 ngàn người. Để đảm bảo yêu cầu phát triển của Khu kinh tế, cần có phương án bố trí, sắp xếp lại dân cư trên địa bàn cho phù hợp.

Đối với dân cư đô thị: ngoài các khu nhà ở thuộc khu trung tâm (bao gồm cả khu nhà ở cao tầng và thấp tầng), sẽ hình thành một số khu dân cư mới với tổng diện tích đất dân dụng khoảng 400-500 ha vào năm 2010 và 1500 ha vào năm 2020, đảm bảo điều kiện sống cho dân cư của trung tâm đô thị mới và số dân tái định cư của các khu công nghiệp sẽ được xây dựng trong tương lai.

Đối với dân cư nông thôn: chủ yếu cải tạo, chỉnh trang và sắp xếp lại các khu dân cư hiện có cho phù hợp với quy hoạch, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xã hội nhằm nâng cao điều kiện sống cho nhân dân. Hạn chế di dời đối với dân cư đã định cư lâu đời. Đối với các khu vực dân cư nằm trong vùng dự kiến xây dựng công nghiệp, cảng bắt buộc phải di dời cần phải có quy hoạch cụ thể và tiến độ hợp lý. Đối với các khu vực dân cư nằm trong vùng dự kiến xây dựng đô thị mới (khu làng xóm đô thị

hoá) được từng bước cải tạo chỉnh trang phù hợp với cảnh quan chung. Đối với các khu dân cư còn lại giữ nguyên quy mô và mật độ xây dựng.

- Hệ thống công viên cây xanh: bảo tồn nguyên vẹn, không phá vỡ cảnh quan thiên nhiên: các đồi cao, mặt nước, sông ngòi, đầm (chỉ san lấp cục bộ); bảo tồn hệ sinh thái biển; bổ sung nhiều dạng cây trồng thích hợp cho đô thị và du lịch; giữ gìn, tôn tạo các di tích, chứng tích lịch sử; khai thác các bãi tắm biển, đồi núi cao, ven sông ngòi, kênh rạch để tạo thành các vùng cây xanh tạo cảnh quan cho không gian du lịch hấp dẫn, bảo vệ sinh thái môi trường bền vững. Hệ thống công viên cây xanh của Khu kinh tế Nam Phú Yên gồm:

+ Hệ thống công viên và cây xanh đô thị: quy mô khoảng 300 ha (gồm công viên trung tâm ở đô thị mới và các vườn hoa quy mô nhỏ tại các khu du lịch, khu dân cư mới; cây xanh ven các đường phố và trong các công sở, các khu công nghiệp.v.v.);

+ Hệ thống rừng phòng hộ: bảo vệ và phát triển trồng rừng trên toàn bộ diện tích đồi núi, đảm bảo chức năng phòng hộ, đồng thời kết hợp phát triển du lịch;

+ Cây xanh phân tán: quy mô khoảng 150-200 ha với các dải cây xanh biển, ven sông suối và dọc theo hệ thống đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường cao tốc, đường sắt, bao quanh các khu công nghiệp.

VI. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ NAM PHÚ YÊN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

1. Các giai đoạn phát triển

a) Giai đoạn 2008-2010

Đây là giai đoạn chuẩn bị, tạo điều kiện để phát triển nhanh Khu kinh tế trong giai đoạn sau. Do vậy, giai đoạn này cần hình thành được các cơ sở pháp lý và cơ chế chính sách ưu đãi cho Khu kinh tế Nam Phú Yên; xây dựng một bước các kết cấu hạ tầng cơ bản của Khu kinh tế; hình thành các khu chức năng; xúc tiến mạnh việc thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước. Các công việc cụ thể cần thực hiện sau khi Đề án xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là:

- Xây dựng Quy chế hoạt động, thành lập bộ máy quản lý của Khu kinh tế; hình thành quy trình kêu gọi đầu tư; xây dựng cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Khu kinh tế Nam Phú Yên; xây dựng danh mục các dự án kêu gọi và thu hút đầu tư trong các ngành, lĩnh vực; tiến hành xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước.v.v;

- Xây dựng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên và quy hoạch chi tiết cho các phân khu chức năng tỷ lệ 1/2000;

- Xây dựng các kết cấu hạ tầng quan trọng như: các trục giao thông chính, cảng biển, công trình cấp nước, hạ tầng các khu công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng

để huy động vốn đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp;

- Hoàn thành công tác đền bù giải toả, thu hồi đất, tái định cư trong Khu kinh tế theo quy hoạch. Đối với diện tích đất chưa sử dụng, cần có biện pháp quản lý chặt chẽ, xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm;

- Hoàn chỉnh về cơ bản Khu phi thuế quan. Tập trung xây dựng cơ chế chính sách đầu tư hạ tầng cho Khu phi thuế quan để kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài. Nhà đầu tư được chọn để đầu tư xây dựng khu này có trách nhiệm lập quy hoạch chi tiết phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và định hướng hoạt động của nhà đầu tư và nằm trong khuôn khổ được Chính phủ cho phép.

b) Giai đoạn 2011-2020

- Tiếp tục xây dựng và đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng của Khu kinh tế Nam Phú Yên;

- Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh các khu chức năng theo quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết được duyệt của Khu kinh tế Nam Phú Yên;

- Thực hiện theo quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu phi thuế quan và các công trình kinh tế khác;

- Hoàn thiện phát triển Khu kinh tế theo quy hoạch. Hoàn thành các cảng biển, các khu công nghiệp, khu du lịch, các trung tâm thương mại, giao dịch quốc tế và các công trình dịch vụ công cộng cao cấp khác.v.v.

2. Nguồn vốn đầu tư

Nguồn vốn phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên được cân đối bằng các nguồn sau: Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, cấp thiết cho sự vận hành của Khu kinh tế Nam Phú Yên; vốn đầu tư nước ngoài (ODA, FDI); vốn huy động từ đấu giá quyền sử dụng đất; vốn tín dụng, vốn của doanh nghiệp và dân cư trong nước.

Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho việc hình thành và phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên là rất lớn so với khả năng nguồn lực của Tỉnh và sự hỗ trợ của Trung ương. Vì vậy, để đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư như trên, Tỉnh cần có các biện pháp huy động vốn một cách tích cực, trong đó nguồn nội lực là chủ yếu, huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất, chú trọng thu hút vốn từ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, xã hội hóa đầu tư trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao.v.v.

VII. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Khu kinh tế Nam Phú Yên nêu trong Quy hoạch sau khi đã được phê duyệt, phối hợp với các Bộ, ngành

liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

- Xây dựng Đề án thành lập Ban quản lý Khu kinh tế Nam Phú Yên, kèm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

- Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch sử dụng đất, Kế hoạch sử dụng đất của tỉnh Phú Yên phù hợp với mục tiêu phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên;

- Chỉ đạo việc lập và trình duyệt theo quy định Quy hoạch chung xây dựng, Quy hoạch chi tiết xây dựng các phân khu chức năng của Khu kinh tế Nam Phú Yên;

- Phê duyệt danh mục các dự án đầu tư phát triển và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm tại Khu kinh tế Nam Phú Yên;

- Chỉ đạo và tạo điều kiện cho Ban Quản lý Khu kinh tế Nam Phú Yên hoạt động và thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện có liên quan thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng; chỉ đạo các cơ quan chức năng của Tỉnh phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc đầu tư phát triển, quản lý và vận hành Khu kinh tế Nam Phú Yên;

- Có giải pháp và xây dựng phương án huy động các nguồn vốn một cách cụ thể, hợp lý, có tính khả thi nhằm thu hút vốn đầu tư; giảm tỷ lệ huy động vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) phù hợp với khả năng cân đối vốn và có các cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực phù hợp nhằm bảo đảm tính khả thi của Quy hoạch. Cần coi trọng và có giải pháp vừa đầu tư vừa khai thác từ quỹ đất để có nguồn thu, đầu tư trở lại phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của Khu kinh tế. Trước mắt, trong giai đoạn 2008-2010, cần xây dựng chính sách huy động, thu hút vốn đầu tư thật cụ thể, hấp dẫn đến từng dự án, lĩnh vực đầu tư; trước hết là chính sách huy động nguồn lực từ việc khai thác quỹ đất, thu hút vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài địa phương, các nhà đầu tư nước ngoài;

- Nghiên cứu ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền) các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Khu kinh tế Nam Phú Yên.

Điều 3. Giao các Bộ, ngành có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Khu kinh tế Nam Phú Yên; phối hợp và hỗ trợ Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và Ban Quản lý Khu kinh tế Nam Phú Yên trong việc lập, điều chỉnh, bổ sung các quy chế, đề án, quy hoạch nói trên và trong việc nghiên cứu xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính

sách cụ thể áp dụng tại Khu kinh tế Nam Phú Yên; đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của Khu kinh tế Nam Phú Yên đã được quyết định đầu tư; nghiên cứu xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư tại Khu kinh tế Nam Phú Yên.

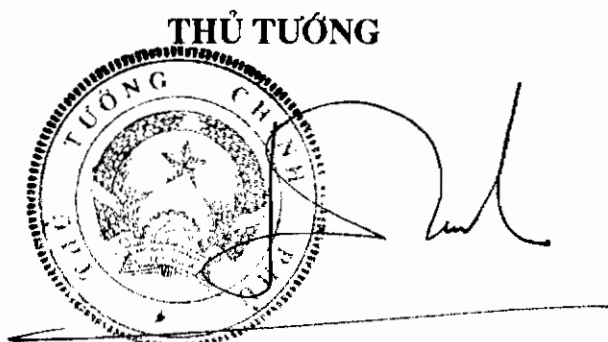
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Phú Yên;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ban Quản lý KKTCK QT Bờ Y;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,
- Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,
- Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). **115**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-TTG
ngày 28 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
A	VỀ CÔNG TÁC QUY HOẠCH	
1	Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên	Huyện Đông Hòa
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng trong Khu kinh tế Nam Phú Yên	Huyện Đông Hòa
3	Quy hoạch chi tiết khu nuôi trồng thủy sản kết hợp phát triển du lịch sinh thái hạ lưu sông Bàn Thạch	Hòa Tâm
4	Quy hoạch chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng và quy hoạch chi tiết khu tái định cư tại thôn Phú Lạc	
B	CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ	
I	DỰ ÁN NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP	
1	Dự án hạ tầng khu sản xuất rau sạch áp dụng công nghệ cao	Phú Lâm
2	Dự án trồng rừng chắn gió và cát	Ven biển
3	Dự án trồng, chăm sóc rừng đèo cả	Hòa Xuân Nam
4	Dự án khu nuôi trồng thủy sản kết hợp phát triển du lịch sinh thái hạ lưu sông Bàn Thạch	Hòa Tâm
5	Dự án san lấp mặt bằng và kè bờ Bắc hạ lưu sông Bàn Thạch	Huyện Đông Hòa
6	Dự án san lấp mặt bằng và kè bờ Nam hạ lưu sông Bàn Thạch	Huyện Đông Hòa
7	Dự án cảng cá Phú Lạc	Hòa Hiệp Nam
8	Dự án kè bờ biển vùng bãi ngang ven biển	Huyện Đông Hòa
II	DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP	
1	Nhà máy lọc dầu Vũng Rô	Hòa Tâm
2	Dự án tổ hợp hóa dầu Naphtha	Hòa Tâm

3	Dự án nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu	KCN Hòa Hiệp 1
4	Dự án Nhà máy sản xuất khung thép tiền chế	KCN Hòa Hiệp 1
5	Nhà máy chế biến song mây xuất khẩu	KCN Hòa Hiệp 2
6	Tổng kho xăng dầu và đường ống dẫn dầu đi Tây Nguyên	Huyện Đông Hòa
7	Nhà máy sản xuất điện tử, điện máy	KCN Hòa Hiệp 1
III	DỰ ÁN DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ	
1	Dự án Khu du lịch Đèo Cả - Vũng Rô	Hòa Xuân Nam
2	Dự án Trung tâm thương mại Nam thành phố Tuy Hòa	Phú Lâm
3	Dự án Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Phú Yên	Phú Lâm
IV	DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT	
	Kết cấu hạ tầng đô thị, các khu dân cư	
1	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng Khu trung tâm thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa	Huyện Đông Hòa
2	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thị trấn Hòa Hiệp Trung (dự kiến tách xã Hòa Hiệp Trung)	Hòa Hiệp Trung
3	Dự án hạ tầng đô thị Nam thành phố Tuy Hòa - Phú Lâm	Huyện Đông Hòa
4	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng Khu dân cư Phú Lạc (Bắc sông Đà Nông)	Hòa Hiệp Nam
5	Dự án cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng các khu dân cư trong KKT Nam Phú Yên	Huyện Đông Hòa
6	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm hành chính mới xã Hòa Tâm, huyện Đông Hòa	Hòa Tâm
7	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phục vụ KCN Hòa Hiệp - xã Hòa Hiệp Trung	Hòa Hiệp Trung
8	Dự án san lấp mặt bằng khu vực phía Tây xã Hòa Hiệp Bắc - Quốc lộ 1A	Hòa Hiệp Bắc
	Kết cấu hạ tầng giao thông	
1	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến Ba Bản - Hòa Hiệp trung	Huyện Đông Hòa
2	Dự án đầu tư nâng cấp và xây dựng mới tuyến Gò Mâm - Đông Mỹ - KCN Hòa Hiệp 1 (cả	Huyện Đông Hòa

	cầu vượt đường sắt)	
3	Tuyến đường hạ tầng đô thị Nam thành phố Tuy Hòa - KCN Hòa Hiệp 1 - Vũng Rô	Huyện Đông Hòa
4	Dự án nâng cấp, xây mới đường Phú Khê - Phước Tân	Huyện Đông Hòa
5	Dự án nâng cấp sân bay Tuy Hòa	Phú Lâm
6	Dự án cảng Vũng Rô	Hòa Xuân Nam
7	Dự án cảng Bãi Gốc	Hòa Tâm
8	Dự án cầu vượt đường sắt và đường dẫn KCN hóa dầu Hòa Tâm	Hòa Tâm
9	Dự án đường giao thông Bãi Chùa - Quốc lộ 1A	Hòa Xuân Nam
10	Dự án san lấp mặt bằng và kè bờ Nam sông Đà Rằng	Phú Lâm
11	Dự án cầu Phước Giang	Huyện Đông Hòa
12	Dự án đường sắt nối cảng Bãi Gốc - đường sắt Bắc Nam	Huyện Đông Hòa
13	Dự án Ga đường sắt Phú Hiệp	Hòa Hiệp Trung
14	Dự án Hầm đường bộ Đèo Cả	Huyện Đông Hòa
15	Dự án đường Uớt Lâm - Quốc lộ 1A	Huyện Đông Hòa
16	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn	Huyện Đông Hòa
V	DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP	
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp hóa dầu Hòa Tâm	Hòa Tâm
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1 và 2 - huyện Đông Hòa	Hòa Hiệp Trung
VI	DỰ ÁN CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC	
1	Dự án hệ thống cấp nước sinh hoạt trong Khu kinh	Huyện Đông Hòa
2	Dự án hệ thống cấp nước và Nhà máy nước phục vụ Nhà máy lọc dầu và Khu công nghiệp hóa dầu	Hòa Tâm
3	Dự án hệ thống thoát nước và Nhà máy xử lý	Huyện Đông Hòa

	nước thải Khu kinh tế Nam Phú Yên	
VII	DỰ ÁN CẤP ĐIỆN	
1	Dự án lưới điện và trạm điện trong Khu kinh tế Nam Phú Yên	Toàn khu
2	Dự án tổ hợp phát điện - Khu công nghiệp hóa dầu	Hòa Tâm
VIII	DỰ ÁN THÔNG TIN LIÊN LẠC	
1	Dự án truyền hình kỹ thuật số mặt đất	Toàn khu vực
2	Dự án xây dựng hệ thống cáp quang	Toàn khu vực
IX	DỰ ÁN XỬ LÝ CHẤT THẢI	
1	Dự án Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp hóa dầu Hòa Tâm	Hòa Tâm
2	Dự án Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và đô thị	Các khu dân cư và khu công nghiệp
X	DỰ ÁN VĂN HÓA, XÃ HỘI, THỂ DỤC THỂ THAO	
1	Dự án Tổ hợp thể dục thể thao phục vụ Khu kinh tế Nam Phú Yên	Huyện Đông Hòa
2	Dự án Tượng đài tàu không số Vũng Rô	Hòa Xuân Nam
3	Dự án xây dựng thiết chế văn hóa cấp xã, phường	Toàn khu vực
4	Dự án xây dựng các trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã, phường	Toàn khu vực
XI	DỰ ÁN Y TẾ	
1	Dự án nâng cấp các trung tâm y tế	Toàn khu vực
2	Dự án đầu tư nâng cấp trang thiết bị và mở rộng quy mô Bệnh viện Việt - Hàn	Hòa Hiệp Trung
XII	DỰ ÁN GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
1	Dự án Phân trường 2, Trường Đại học Phú Yên trong Khu đô thị Nam thành phố Tuy hòa	Phú Lâm
2	Dự án nâng cấp các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông	Toàn khu vực

*** Ghi chú:** Về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ./.